

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 33/TTr-STC ngày 16 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ:

1. Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

2. Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

amb

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



realitip

Lâm Hoàng Nghiệp



Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
I	Lĩnh vực Quản lý giá (02 thủ tục)		
1	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Sở Tài chính	2.002217.000.00.00.H51	Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
2	Hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính	TT03-VG	
II	Lĩnh vực Tin học - Thống kê tài chính (01 thủ tục)		
3	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (ĐVQHNS)	2.002206.000.00.00.H51	Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
III	Lĩnh vực Quản lý công sản (05 thủ tục)		
4	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	1.006221.000.00.00.H51	Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

5	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	1.006222.000.00.00.H51	về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
6	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	3.000291.000.00.00.H51	Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 7/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
7	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000325.000.00.00.H51	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 7/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn
8	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	3.000410.000.00.00.H51	Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
IV	Đầu tư tại Việt Nam (22 thủ tục)		
9	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009645.000.00.00.H51	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009646.000.00.00.H51	tính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009647.000.00.00.H51	
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009653.000.00.00.H51	
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009656.000.00.00.H51	
14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009657.000.00.00.H51	
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009661.000.00.00.H51	



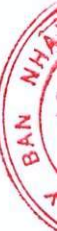
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662.000.00.00.H51	
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009664.000.00.00.H51	
18	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009729.000.00.00.H51	
19	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731.000.00.00.H51	
20	Chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009642.000.00.00.H51	Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
21	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009644.000.00.00.H51	
22	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009649.000.00.00.H51	
23	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009650.000.00.00.H51	



24	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009652.000.00.00.H51	
25	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009654.000.00.00.H51	
26	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.009655.000.00.00.H51	
27	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659.000.00.00.H51	
28	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665.000.00.00.H51	
29	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671.000.00.00.H51	
30	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009736.000.00.00.H51	
V	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (51 thủ tục)		
31	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010.000.00.00.H51	

HÀNH SỞ T.

32	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010023.000.00.00.H51	Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
33	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001610.000.00.00.H51	
34	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	2.001583.000.00.00.H51	
35	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.001199.000.00.00.H51	
36	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002043.000.00.00.H51	
37	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042.000.00.00.H51	
38	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002041.000.00.00.H51	
39	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1.005169.000.00.00.H51	
40	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002011.000.00.00.H51	
41	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002010.000.00.00.H51	
42	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002009.000.00.00.H51	



43	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002008.000.00.00.H51	
44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005114.000.00.00.H51	
45	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	2.002000.000.00.00.H51	
46	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001996.000.00.00.H51	
47	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001993.000.00.00.H51	
48	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	2.002044.000.00.00.H51	
49	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	2.001992.000.00.00.H51	
50	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2.001954.000.00.00.H51	
51	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002069.000.00.00.H51	
52	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002070.000.00.00.H51	



53	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	2.002031.000.00.00.H51	
54	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	2.002075.000.00.00.H51	
55	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	2.002072.000.00.00.H51	
56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002045.000.00.00.H51	
57	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên	1.005176.000.00.00.H51	



	Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
58	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1.010026.000.00.00.H51	
59	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002085.000.00.00.H51	
60	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002083.000.00.00.H51	
61	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002059.000.00.00.H51	
62	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002060.000.00.00.H51	
63	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	2.002057.000.00.00.H51	



64	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2.002034.000.00.00.H51	
65	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002032.000.00.00.H51	
66	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	2.002033.000.00.00.H51	
67	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.010027.000.00.00.H51	
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2.002018.000.00.00.H51	
69	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	2.002017.000.00.00.H51	
70	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002015.000.00.00.H51	
71	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2.002029.000.00.00.H51	
72	Giải thể doanh nghiệp	2.002023.000.00.00.H51	

73	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002022.000.00.00.H51	
74	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002020.000.00.00.H51	
75	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	2.002016.000.00.00.H51	
76	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368.000.00.00.H51	
77	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000416.000.00.00.H51	
78	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375.000.00.00.H51	
79	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029.000.00.00.H51	
80	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	1.010030.000.00.00.H51	
81	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031.000.00.00.H51	



VI	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (03 thủ tục)		
82	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	2.000765.000.00.00.H51	Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
83	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	2.000746.000.00.00.H51	
84	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp	1.001664.000.00.00.H51	
VII	Thành lập và hoạt động liên hiệp hợp tác xã (15 thủ tục)		
85	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	1.005125.000.00.00.H51	Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
86	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	2.002013.000.00.00.H51	
87	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005003.000.00.00.H51	
88	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005047.000.00.00.H51	
89	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	1.005122.000.00.00.H51	
90	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	2.001979.000.00.00.H51	
91	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	2.001957.000.00.00.H51	
92	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	1.005056.000.00.00.H51	



93	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	1.005072.000.00.00.H51	
94	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	2.001962.000.00.00.H51	
95	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1.005064.000.00.00.H51	
96	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	1.005124.000.00.00.H51	
97	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005046.000.00.00.H51	
98	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1.005283.000.00.00.H51	
99	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	2.002125.000.00.00.H51	
VIII	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 thủ tục)		
100	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000024.000.00.00.H51	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 3/2/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
101	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	1.000016.000.00.00.H51	
102	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000005.000.00.00.H51	
103	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.002005.000.00.00.H51	



104	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	2.002004.000.00.00.H51	
105	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002418.000.00.00.H51	Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
106	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001999.000.00.00.H51	
IX	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (03 thủ tục)		
107	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002333.000.00.00.H51	Quyết định số 3078/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
108	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002334.000.00.00.H51	
109	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002335.000.00.00.H51	



X	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (05 thủ tục)		
110	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	2.000529.000.00.00.H51	Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 6/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
111	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	2.001061.000.00.00.H51	
112	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	2.001025.000.00.00.H51	
113	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	1.002395.000.00.00.H51	
114	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	2.001021.000.00.00.H51	
XI	Quản lý xuất nhập cảnh (01 thủ tục)		
115	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	3.000242.000.00.00.H51	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng



XII	Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức PPP (04 thủ tục)		
116	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491.000.00.00.H51	Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 7/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
117	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492.000.00.00.H51	
118	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493.000.00.00.H51	
119	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009494.000.00.00.H51	
XIII	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (01 thủ tục)		
120	Công bố dự án kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương do nhà đầu tư đề xuất (sửa đổi, bổ sung)	2.002603.000.00.00.H51	Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 7/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
Tổng số: 120 thủ tục			

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC	Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	Lĩnh vực Quản lý công sản (02 thủ tục)		
1	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	3.000256.000.00.00.H51	Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính và áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
2	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	3.000257.000.00.00.H51	
II	Chính sách Thuế (01 thủ tục)		
3	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1.013040.000.00.00.H51	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 7/1/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
III	Lĩnh vực Quản lý công sản (04 thủ tục)		
4	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000327.000.00.00.H51	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 7/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của
5	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000324.000.00.00.H51	
6	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000328.000.00.00.H51	

7	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	3.000326.000.00.00.H51	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực Quản lý công sản (03 thủ tục)		
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000327.000.00.00.H51	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 7/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn
2	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	3.000326.000.00.00.H51	
3	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000325.000.00.00.H51	
II	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh (05 thủ tục)		
4	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612.000.00.00.H51	Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh áp dụng tại cấp huyện theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720.000.00.00.H51	
6	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570.000.00.00.H51	
7	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266.000.00.00.H51	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575.000.00.00.H51	
III	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (16 thủ tục)		
9	Đăng ký thành lập hợp tác xã	1.005280.000.00.00.H51	Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thành lập và hoạt
10	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	2.002123.000.00.00.H51	
11	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.005277.000.00.00.H51	



12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H51	động của hợp tác xã áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	
13	Đăng ký khi hợp tác xã chia	2.002122.000.00.00.H51		
14	Đăng ký khi hợp tác xã tách	2.002120.000.00.00.H51		
15	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1.005121.000.00.00.H51		
16	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1.004972.000.00.00.H51		
17	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	2.001973.000.00.00.H51		
18	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H51		
19	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.004979.000.00.00.H51		
20	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H51		
21	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005377.000.00.00.H51		
22	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H51		
23	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	1.004901.000.00.00.H51		
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	1.004895.000.00.00.H51		
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 thủ tục)			



1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H51	Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ Hợp tác áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H51	
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H51	
II	Lĩnh vực Hỗ trợ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (01 thủ tục)		
4	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668.000.00.00.H51	Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
Tổng số: 35 thủ tục			

